

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 3/6
KỲ THI NGÀY 08&09/01/2022
(Kèm theo Quyết định số: 05/QĐ-NNTH ngày 17 tháng 01 năm 2022)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	HT			
1	Tạ Công Ái	09/11/1978	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,5	8,0	6,5	7,0	7,5	Đạt	
2	Trần Thị Hoàng Anh	12/08/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	8,0	6,5	6,0	7,0	Đạt	
3	Nguyễn Tấn Cung	07/03/1973	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,5	7,0	7,5	5,0	6,5	Đạt	
4	Nguyễn Thanh Châu	26/03/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,5	8,0	7,0	5,0	6,5	Đạt	
5	Phạm Thị Chi	01/02/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	8,0	7,0	6,0	7,0	Đạt	
6	Võ Thị Chuyển	22/04/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	8,0	7,5	6,0	7,0	Đạt	
7	Nguyễn Hoàng Danh	30/12/1977	Quảng Nam	Nam	Kinh	7,5	8,0	7,5	5,0	7,0	Đạt	
8	Đào Tấn Diệu	28/04/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	6,0	5,0	6,0	Đạt	
9	Cao Thị Thanh Diệp	27/05/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,5	7,5	6,0	7,0	Đạt	
10	Nguyễn Đoàn	18/08/1972	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	8,0	7,0	6,0	6,5	Đạt	
11	Nguyễn Thị Giao	01/02/1981	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	8,0	7,0	7,0	7,5	Đạt	
12	Hồ Thị Hà	23/05/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kor	6,0	6,0	5,0	7,0	6,0	Đạt	
13	Trần Thị Hằng	08/11/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,5	8,0	7,0	6,0	6,5	Đạt	
14	Nguyễn Văn Hậu	03/03/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	6,0	7,0	6,5	Đạt	
15	Từ Thiên Hậu	03/07/1989	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,0	7,5	7,0	7,5	Đạt	
16	Nguyễn Minh Hiếu	29/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	8,0	6,0	5,0	6,0	Đạt	
17	Trần Thị Thanh Hòa	08/08/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,0	8,5	6,5	6,0	6,5	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	HT			
18	Đặng Đăng	Huy	26/11/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	6,5	7,0	Đạt	
19	Ngô Thế	Huy	20/06/1972	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	8,0	7,0	5,0	Đạt	
20	Đinh Thị Diễm	Hương	02/06/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	8,0	7,0	5,0	Đạt	
21	Võ Đông	Khá	15/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,5	8,0	7,0	7,0	Đạt	
22	Phạm Thị	Lệ	22/04/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,0	8,5	7,0	7,0	Đạt	
23	Võ Thị Mỹ	Lệ	11/11/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	8,0	7,0	7,0	Đạt	
24	Tạ Thị	Liều	27/10/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,0	7,0	7,0	Đạt	
25	Nguyễn Khánh	Linh	07/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	9,0	7,0	5,0	Đạt	
26	Cao Vũ Yến	Loan	01/04/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	9,0	7,5	6,0	Đạt	
27	Nguyễn Thị	Loan	03/04/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	8,0	7,5	4,0	Đạt	
28	Vũ Thị Vi	Loan	07/01/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	7,5	7,0	5,0	Đạt	
29	Đỗ văn	Minh	02/10/1978	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,5	9,0	7,0	5,0	Đạt	
30	Nguyễn Thị Kiều	Nương	12/09/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	9,0	6,5	6,0	Đạt	
31	Võ Thị Tuyết	Ngân	12/01/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	8,0	7,0	4,0	Đạt	
32	Lê Hữu	Nghĩa	29/08/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,5	8,0	6,5	4,0	Đạt	
33	Phùng Thị Mỹ	Ngọc	01/07/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	8,0	6,5	6,0	Đạt	
34	Trần Thùy	Nhiên	29/02/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	9,0	6,5	5,0	Đạt	
35	Lê Tấn	Nhờ	10/06/1979	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,5	8,0	7,5	5,0	Đạt	
36	Nguyễn Thị Trúc	Nhu	10/11/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	9,0	7,0	5,0	Đạt	
37	Đặng Thị Hoàng	Phúc	01/10/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	8,5	7,0	4,0	Đạt	
38	Vũ Thị Thiên	Phúc	02/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	9,0	7,0	4,0	Đạt	
39	Đinh Hoài	Phương	30/08/1978	Quảng Ngãi	Nam	H're	6,5	8,5	7,0	5,0	Đạt	
40	Ngô Minh	Quang	01/07/1963	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,0	8,0	6,5	5,0	Đạt	
41	Phạm Hồng	Quân	07/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	9,0	6,5	4,0	Đạt	

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT			
42	Trần Thị Thu	Quyên	27/05/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	7,0	5,0	4,0	6,0	Đạt	
43	Nguyễn Ngọc	Son	20/12/1970	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,5	9,0	7,0	5,0	7,0	Đạt	
44	Trương Thị Minh	Tâm	16/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	9,0	7,5	5,0	7,0	Đạt	
45	Bùi Văn	Ty	20/08/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,5	8,5	6,0	5,0	7,0	Đạt	
46	Đinh Thị Hồng	Thanh	20/05/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	9,0	6,5	5,0	7,0	Đạt	
47	Nguyễn Tiến	Thanh	06/08/1966	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	9,0	5,0	5,0	7,0	Đạt	
48	Võ Thị Trang	Thanh	02/09/1981	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,5	8,0	6,5	6,5	7,5	Đạt	
49	Đặng Thị Kim	Thanh	28/05/1980	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6,0	8,5	7,5	6,5	7,0	Đạt	
50	Đỗ Thanh	Thao	26/07/1989	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,5	8,0	6,0	6,0	6,5	Đạt	
51	Nguyễn Thị Phương	Thảo	26/06/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	7,0	7,0	5,0	6,5	Đạt	
52	Trần Nguyễn Đình	Thật	16/04/1978	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	6,0	7,0	4,5	6,0	Đạt	
53	Phạm Văn	Thời	02/03/1980	Quảng Ngãi	Nam	H're	7,5	8,0	7,0	5,0	7,0	Đạt	
54	Nguyễn Bảo	Thuận	13/12/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	8,0	7,0	6,0	7,0	Đạt	
55	Bùi Thị Minh	Thùy	22/10/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	6,0	7,0	6,0	6,0	Đạt	
56	Lê Thị	Thủy	20/10/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	7,5	7,5	5,5	7,0	Đạt	
57	Phạm Thị	Thuy	22/12/1984	Quảng Ngãi	Nữ	H're	7,5	8,0	7,0	5,0	7,0	Đạt	
58	Võ Thị Bích	Thùy	03/02/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	8,0	6,5	6,5	7,0	Đạt	
59	Hà Thị	Thúy	08/08/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	6,0	7,0	7,0	6,5	Đạt	
60	Tăng Văn	Thư	10/10/1982	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	6,0	6,0	7,0	6,5	Đạt	
61	Phạm Thị Bích	Trà	27/12/1997	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	6,0	8,0	7,5	5,5	7,0	Đạt	
62	Trần Thị Thuý	Trang	02/04/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	8,0	7,0	5,5	7,0	Đạt	
63	Trần Ngọc	Trung	02/06/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,5	8,0	6,0	8,0	7,5	Đạt	
64	Võ Nguyễn Quốc	Trung	25/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	8,0	7,0	7,0	7,5	Đạt	
65	Nguyễn Huỳnh	Uyên	21/06/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	8,0	7,5	7,5	7,5	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	HT			
66	Phạm Thị Thuỳ Uyên	07/07/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	9,0	7,5	7,0	7,5	Đạt	
67	Đỗ Quang Văn	01/01/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,5	8,0	6,0	8,0	7,5	Đạt	
68	Nguyễn Thành Văn	02/04/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,5	8,0	6,0	6,5	7,0	Đạt	
69	Lâm Văn Vi	25/02/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	6,5	7,0	7,0	Đạt	
70	Lê Trí Viễn	07/06/1989	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	9,0	6,5	7,0	7,0	Đạt	
71	Đinh Thị Thu Mảo	25/09/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	7,0	7,0	6,5	7,0	Đạt	
72	Bùi Minh Tú	04/11/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,5	8,0	5,0	7,5	7,5	Đạt	

Danh sách này có: 72 thí sinh.